

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 8290 /UBND-KT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 06 tháng 11 năm 2023

V/v báo cáo tình hình thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, qua địa bàn tỉnh.

Kính gửi: Thường trực Tỉnh uỷ.

Ủy ban nhân dân kính báo cáo Thường trực Tỉnh uỷ về tình hình thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021- 2025, qua địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

**1. Thông tin về dự án:** Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 qua địa phận tỉnh Bình Định có tổng chiều dài khoảng **118,8km** (đi qua địa phận 08 huyện, thị xã, thành phố với 30 xã, phường).

a) Tổng mức đầu tư 03 dự án thành phần đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt là: **47.673,4** tỷ đồng.

b) Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư qua địa bàn tỉnh (bao gồm chi phí dự phòng) đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt là: **4.953,56** tỷ đồng.

c) Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư qua địa bàn tỉnh Bình Định do các địa phương rà soát là: **5.287** tỷ đồng (bao gồm cả phần diện tích thực hiện bổ sung mới được Chủ đầu tư bàn giao thêm). Chênh lệch cao hơn chi phí được duyệt là **334** tỷ đồng.

d) Tổng diện tích đất bị ảnh hưởng: Khoảng **1.496,58 ha**, trong đó, diện tích tuyến chính chiếm dụng cần thu hồi khoảng **953,19 ha**. Phần diện tích mới bổ sung thêm trong tháng 9/2023 do điều chỉnh tuyến là **33,85ha**.

đ) Số hộ bị ảnh hưởng, số ngôi nhà bị giải tỏa trắng (chưa bao gồm phần mới bổ sung): Có **11.736** hộ bị ảnh hưởng; **884** ngôi nhà bị giải tỏa trắng và phải bố trí tái định cư cho **885** hộ.

e) Tổng số ngôi mộ cần di dời: Khoảng **6.835** mộ và có **02** điểm Di tích lịch sử (Vụ thảm sát Bình An) được xếp hạng cấp Quốc gia phải di dời.

**2. Kết quả thực hiện công tác bồi thường GPMB và tái định cư dự án**

**a. Công tác lập, phê duyệt phương án bồi thường GPMB:** Đã phê duyệt với **741** đợt, số tiền **4.546,57** tỷ đồng; trong đó, tuyến chính được **11.736/11.736** hộ, diện tích **953,19/953,19 ha** tuyến chính, đạt **100%**.

**b. Bàn giao mặt bằng, chiều dài tuyến chính:** Đã bàn giao cho Chủ đầu tư diện tích **934,3/953,19 ha**, đạt **98%**, chiều dài **115,58/117,99km**, đạt **98%**.

**c. Phần diện tích mới bàn giao mốc GPMB điều chỉnh, bổ sung:** Chủ đầu tư bàn giao bổ sung thêm diện tích bị ảnh hưởng khoảng **S=33,85ha**; các địa

phương đã hoàn thành công tác kiểm đếm, đo đạc. Một số địa phương đã xác nhận nguồn gốc được **1.103 hộ** bị ảnh hưởng, phê duyệt được **15 đợt**, diện tích phê duyệt **18,61ha**, đã chi trả được **14,2 tỷ** đồng, diện tích đã chi trả và bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư được **5,98ha**.

**d. Công tác bố trí tái định cư**

- Thực hiện đầu tư xây dựng **39 khu** tái định cư, diện tích **69,095ha/1.767 lô** đất, tổng mức đầu tư **743,1** tỷ đồng. Hiện nay, đã thi công xây dựng hoàn thành **22 khu** (*Hoài Ân: 08 khu; Phù Mỹ: 05 khu; Phù Cát: 05 khu; Tuy Phước: 03 khu, Tây Sơn: 01 khu*), các khu còn lại khối lượng đạt trên 95%. Khu tái định cư mới bổ sung địa bàn Hoài Ân đang triển khai thi công đạt 80% và khu tái định cư mở rộng trên địa bàn Phù Mỹ đang thẩm định hồ sơ thiết kế.

- Phải bố trí tái định cư cho **885 hộ**, với **1.023 lô** đất tái định cư. Hiện nay, đã xét giao đất tái định cư và giao đất tái định cư ngoài thực địa cho các hộ dân xây dựng nhà, như sau:

+ Kết quả giao đất tái định cư: Đã quyết định giao đất tái định cư được **885/885 hộ** phải bố trí tái định cư, đạt **100%**.

+ Kết quả giao đất tái định cư thực địa: Đã giao được **861/885 hộ** phải bố trí tái định cư, đạt **97,3%**.

**đ. Xây dựng khu cải táng mộ mả và di dời mộ mả:** Đã xây dựng hoàn thành **07/07** khu cải táng và thực hiện di dời được **6.808/6.835** ngôi mộ, đạt **99,6%**.

**e. Di dời hệ thống hạ tầng kỹ thuật do địa phương quản lý:** 08 địa phương đang triển khai di dời đạt từ **60% đến 90%**.

**g. Di dời tuyến điện trên 110kV và hệ thống hạ tầng kỹ thuật do các cơ quan Trung ương quản lý (do Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh thực hiện):**

- Tuyến điện trên 110 kV: Đang triển khai thi công xây dựng được **86/87** vị trí (*Chủ đầu tư mới đề nghị di dời bổ sung thêm 03 vị trí*).

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật do các cơ quan Trung ương quản lý như cáp quang, cáp viễn thông bị ảnh hưởng: Đang khẩn trương thực hiện di dời đối với **95/95** vị trí bị ảnh hưởng.

**h. Về vật liệu phục vụ thi công**

- Về đất đắp nền đường: Nhu cầu đất đắp khoảng **13,44 triệu m<sup>3</sup>**.

+ Đến nay, Chủ đầu tư và các nhà thầu đã lập hồ sơ đề nghị UBND tỉnh xác nhận **14 khu** vực mỏ, diện tích **128,6ha** với trữ lượng là **9,816 triệu m<sup>3</sup>**. Đối với **14 khu** vực mỏ này, HĐND tỉnh đã thông qua chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng và đã được UBND tỉnh xác nhận đăng ký khai thác (*trong đó, có 02 khu vực mỏ đang được khai thác để đắp cho công trình và 03 khu vực mỏ đã thực hiện hoàn thành công tác bồi thường nhưng chưa khai thác được do nhà thầu chưa thi công đường công vụ để vận chuyển*); còn 09 khu vực mỏ còn lại, Chủ đầu tư nhà thầu đang thực hiện các thủ tục trồng rừng thay thế và thực hiện công tác thỏa thuận bồi thường với người dân và tổ chức có liên quan.

+ Có 03 khu vực mỏ, diện tích **41,28ha** với trữ lượng **3,621 triệu m<sup>3</sup>** nhà thầu đang hoàn thiện hồ sơ đề trình UBND tỉnh xác nhận đăng ký khai thác. Trong đó, có **02 khu vực mỏ** Chủ đầu tư xin mở rộng với diện tích **32,78ha** với

trữ lượng **3,2 triệu m<sup>3</sup>** chưa có trong Phương án thăm dò, khảo sát khoáng sản của dự án (*hiện nay, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở ngành tham mưu bổ sung vào dự thảo Quy hoạch tỉnh Bình Định*); đồng thời, UBND tỉnh cũng đã chỉ đạo Chủ đầu tư phối hợp khảo sát bổ sung các mỏ trong Quy hoạch để đảm bảo đất đắp. Như vậy, trữ lượng đất đắp cơ bản đáp ứng nhu cầu cho dự án cao tốc.

- Về cát xây dựng: Nhu cầu cát xây dựng khoảng 2,8 triệu m<sup>3</sup> (Chủ đầu tư mới đề nghị tăng thêm **0,8 triệu m<sup>3</sup>** so với đề nghị trước đây là **2 triệu m<sup>3</sup>**). Chủ đầu tư và nhà thầu đã khảo sát, lập phương án thăm dò **07 khu** vực mỏ được giới thiệu, cụ thể như sau:

+ Hiện nay, Chủ đầu tư và các nhà thầu mới chỉ lập hồ sơ đề nghị xác nhận **03 khu vực** mỏ, diện tích **36,167ha** với trữ lượng là **747,8 nghìn m<sup>3</sup>** (*đối với 03 khu vực mỏ này, UBND tỉnh đã xác nhận đăng ký khai thác; trong đó, có 02 khu vực mỏ, nhà thầu đang tổ chức khai thác và 01 khu vực mỏ đang triển khai công tác thỏa thuận thuê đất*).

+ Đối với **04 khu** vực mỏ còn lại diện tích **36,69 ha** với trữ lượng là **958 nghìn m<sup>3</sup>**. Hiện nay, Chủ đầu tư phối hợp nhà thầu đang hoàn thiện hồ sơ xác nhận đăng ký khai thác để trình UBND tỉnh xác nhận đăng ký khai thác.

+ Đối với khối lượng **còn thiếu khoảng 1,1 triệu m<sup>3</sup>**, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành chức năng phối hợp Chủ đầu tư và các nhà thầu để hướng dẫn lập hồ sơ khai thác các điểm mỏ mới đã được UBND tỉnh giới thiệu; đồng thời, đề nghị các nhà thầu *sử dụng các điểm mỏ đã cấp phép* để đảm bảo đủ khối lượng cát phục vụ thi công công trình.

- Nhu cầu về đá xây dựng: Khoảng **4,5 triệu m<sup>3</sup>**.

+ Để phục vụ thi công tuyến cao tốc các Chủ đầu tư đã khảo sát và đề xuất đối với **19 mỏ đá đã cấp phép** với trữ lượng khoảng **29 triệu m<sup>3</sup>** đủ cung ứng cho việc thi công tuyến cao tốc.

+ Hiện nay, Dự án cao tốc mới triển khai giai đoạn đầu, Chủ đầu tư và nhà thầu chưa có nhu cầu sử dụng đá làm vật liệu xây dựng. Tuy nhiên, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Chủ đầu tư làm việc với các chủ mỏ đề nghị các chủ mỏ cam kết cung cấp đá xây dựng và hướng dẫn thủ tục nâng công suất khai thác theo quy định.

*i. Về đổ thải vật liệu không thích hợp:* Nhu cầu đổ thải khoảng **8,1 triệu m<sup>3</sup>**. UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương đối với **50 vị trí** bãi đổ vật liệu không thích hợp, tổng diện tích khoảng **181,37ha**, trữ lượng đổ thải khoảng **8,75 triệu m<sup>3</sup>**. Tuy nhiên, Chủ đầu tư và nhà thầu chỉ sử dụng **46 vị trí** với diện tích khoảng **176,01 ha**, trữ lượng đổ thải khoảng **8,564 triệu m<sup>3</sup>**, cơ bản đáp ứng nhu cầu đổ thải vật liệu không thích hợp cho dự án.

- Hiện nay, Chủ đầu tư, nhà thầu và địa phương đã hoàn thành các thủ tục và đang tiến hành đổ thải được **17 vị trí**, diện tích **72,84ha**, trữ lượng đổ thải **3,323 triệu m<sup>3</sup>**, cụ thể:

+ Đoạn Quảng Ngãi-Hoài Nhơn: có **03 vị trí**, diện tích **10,7ha**, trữ lượng **0,472 triệu m<sup>3</sup>**.

+ Đoạn Hoài Nhơn-Quy Nhơn: có **09 vị trí**, diện tích **47,2ha**, trữ lượng **1,471 triệu m<sup>3</sup>**.

+ Đoạn Quy Nhơn-Chí Thạnh: có **05 vị trí**, diện tích **14,94ha**, trữ lượng **1,37 triệu m<sup>3</sup>**.

***i. Tình hình vốn cấp và kế hoạch chi trả kinh phí bồi thường GPMB***

- Tổng vốn Bộ Giao thông vận tải đã cấp: **4.770,2 tỷ đồng**, đạt **96,3%** so với kinh phí được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt (*4.953,56 tỷ đồng*) và đạt **90,2%** so với nhu cầu thực tế (*5.287,2 tỷ đồng*).

- Kết quả giải ngân đến hiện nay: Đã giải ngân **3.892,1 tỷ đồng**, đạt **81,6%** vốn cấp; trong đó, diện tích tuyến chính **937/953,19 ha**, đạt **98,3%**.

*(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).*

**3. Khó khăn, vướng mắc**

- Chủ đầu tư mới thực hiện điều chỉnh, bổ sung phạm vi mốc GPMB trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố và bổ sung khối lượng di dời hệ thống điện trên 110kV, tiếp tục tiến hành bàn giao bổ sung khối lượng thực hiện GPMB cho các địa phương, đơn vị. Sau khi tiếp nhận, các địa phương phải triển khai thực hiện các bước đo đạc, kiểm đếm, xác nhận nguồn gốc đất đai, phê duyệt phương án, . . . làm ảnh hưởng kéo dài thời gian thực hiện công tác bồi thường, GPMB. Nhất là, sau khi Chủ đầu tư bàn giao cọc mốc GPMB bổ sung ngoài thực địa, đã ảnh hưởng đến đất ở, nhà ở của 11 hộ dân thuộc thôn An Hậu, xã Ân Phong; 07 hộ dân xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ, do đó, để bố trí tái định cư cho các hộ này phải triển khai đầu tư xây dựng bổ sung 01 khu và mở rộng 01 khu tái định cư làm chậm tiến độ giải phóng mặt bằng.

- Theo các Quyết định phê duyệt của Bộ Giao thông vận tải chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư qua địa bàn tỉnh Bình Định là **4.953 tỷ đồng**. Tuy nhiên, sau khi tiếp nhận hồ sơ cọc mốc, phạm vi GPMB của Ban QLDA2, 85 (*kể cả phần mới bổ sung*) địa phương kiểm tra, rà soát với tổng kinh phí thực hiện khoảng **5.287 tỷ đồng** (*chi phí thực hiện cao hơn khoảng 334 tỷ đồng so với kinh phí đã được Bộ GTVT phê duyệt*). Hiện nay, UBND tỉnh đang chỉ đạo các địa phương, đơn vị rà soát lại kinh phí một lần nữa để kiến nghị Bộ GTVT bổ sung cho các đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện.

- Hiện nay, trữ lượng vật liệu Cát xây dựng trên địa bàn tỉnh cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ dự án Đường bộ cao tốc. Tuy nhiên, về trữ lượng Cát được cấp phép hiện tại không đủ, do đó, UBND tỉnh đã có Văn bản kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép UBND các tỉnh khu vực miền Trung được phép quyết định nâng công suất không quá 50% công suất ghi trong giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông mà không phải lập lại dự án đầu tư điều chỉnh, báo cáo ĐTM.

- UBND tỉnh đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị bổ sung diện tích đất rừng và đất trồng lúa (*từ 02 vụ trở lên*) cần chuyển mục đích sử dụng để thực hiện dự án đường bộ cao tốc qua địa bàn tỉnh, thay đổi so với Nghị quyết số 273/NQ-UBTVQH15 ngày 11/7/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (*Văn bản số 3982/UBND-KT ngày 15/6/2023*), cụ thể như sau:

+ Đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên 409,58 ha (*tăng 78,09 ha*).

+ Đất rừng phòng hộ 37,96 ha (*tăng 5,36 ha*).

+ Đất trồng rừng sản xuất 612,86 ha (*tăng 131,52 ha*).

- UBND tỉnh đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề nghị cho phép sử dụng diện tích đất lúa, đất rừng phục vụ dự án Đường bộ cao tốc qua địa bàn tỉnh **được tính riêng**, không tính vào chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ (*Văn bản số 1013/UBND-KT ngày 28/2/2023*).

- Việc trồng rừng thay thế theo quy định tại Thông tư 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phải thực hiện các thủ tục chờ xác định được vị trí quỹ đất trồng rừng thay thế ở tỉnh khác thì Bộ Nông nghiệp và PTNT mới có văn bản giao Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam tạm thu tiền trồng rừng thay thế, từ đó các chủ dự án mới được nộp tiền và UBND tỉnh có cơ sở ban hành Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng, do đó gây kéo dài thời gian ảnh hưởng tiến độ giải phóng mặt bằng (*Diện tích đất trồng rừng thay thế phục vụ thi công tuyến đường bộ cao tốc qua địa bàn tỉnh cần bố trí thêm khoảng: 202,87ha*).

- Theo đề nghị của các Chủ đầu tư, UBND tỉnh đã giới thiệu cho Chủ đầu tư 20 khu vực mỏ đất đắp và đã được Bộ GTVT phê duyệt hồ sơ mỏ vật liệu, Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt đánh giá tác động môi trường. Tuy nhiên, Chủ đầu tư và nhà thầu thi công đề xuất 03 khu vực mỏ ngoài hồ sơ phê duyệt, đồng thời các khu vực mỏ này chưa được tỉnh quy hoạch **sử dụng khoáng sản** làm vật liệu xây dựng nên làm chậm công tác xác nhận đăng ký khai thác (*hiện nay đã bổ sung vào Quy hoạch của tỉnh chờ trình cấp thẩm quyền phê duyệt*).

#### 4. Nội dung kiến nghị

Đến nay, các địa phương đã có nhiều nỗ lực phấn đấu thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư dự án, hoàn thành được khối lượng công việc rất lớn. Phần khối lượng còn lại tuy không nhiều nhưng có tính chất phức tạp, do vậy, để đảm công tác giải phóng mặt bằng đáp ứng yêu cầu tiến độ thi công dự án, UBND tỉnh kính đề nghị Thường trực Tỉnh uỷ xem xét chỉ đạo Thường trực các huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ có tuyến cao tốc đi qua tăng cường công tác chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan của địa phương tập trung triển khai hiệu quả nhằm đẩy nhanh công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư dự án.

UBND tỉnh kính báo cáo Thường trực Tỉnh uỷ xem xét, chỉ đạo thực hiện./

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: GTVT, TNMT, XD;
- UBND các huyện: HA, PM, PC, TS, TP;
- UBND các thị xã: AN, HN;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- LĐVP UBND tỉnh;
- TCT của CT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K19.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tự Công Hoàng

**PHỤ LỤC 1**  
**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG GPMB VÀ TÁI ĐỊNH CƯ**  
 (Kèm theo Văn bản số: /UBND-KT ngày /11/2023 của UBND tỉnh)

STT	Địa phương	Đã xác nhận nguồn gốc tuyến chính bị ảnh hưởng (hộ)	Phê duyệt phương án bồi thường, GPMB					Bàn giao mặt bằng, chiều dài tuyến chính cho Chủ đầu tư				Di dời mồ mã trên tuyến chính		Di dời hạ tầng kỹ thuật (%)	Vốn và giải ngân					Tái định cư				
			Tổng số đợt	Số hộ, tổ chức trên tuyến chính đã phê duyệt	Diện tích tuyến chính đã phê duyệt (ha)	Tỷ lệ mặt bằng tuyến chính (%)	Kinh phí đã phê duyệt (tỷ đồng)	Diện tích đã bàn giao (ha)	Tỷ lệ mặt bằng (%)	Chiều dài đã bàn giao (Km)	Tỷ lệ chiều dài (%)	Số ngôi mộ đã di dời	Tỷ lệ (%)		Kinh phí đã được cấp (tỷ đồng)	Đã chi trả (tỷ đồng)	Tỷ lệ giải ngân (%)	Diện tích tuyến chính đã chi trả (ha)	Tỷ lệ diện tích tuyến chính đã chi trả	Số hộ phải bố trí tái định cư (hộ)	Số hộ đã giao đất (hộ)	Tỷ lệ đã giao đất TĐC (%)	Số hộ đã giao đất thực địa (hộ)	Tỷ lệ đã giao đất TĐC thực địa (%)
1	Hoài Nhơn	4.278	294	4.278	263,33	100,0%	1.201,73	255,95	97,2%	29,21	99,8%	1.306	100,0%	78,0%	1.430,5	1.121,9	78,4%	255,08	96,9%	164	164	100%	164	100,0%
2	Hoài Ân	1.326	57	1.326	158,26	100,0%	522,56	155,89	98,5%	18,70	96,4%	861	96,9%	80,0%	556,9	477,8	85,8%	155,89	98,5%	143	143	100%	143	100,0%
3	Phù Mỹ	1.597	55	1.597	124,30	100,0%	699,79	124,30	100,0%	19,33	100,0%	1.661	100,0%	95,0%	614,0	582,6	94,9%	124,30	100,0%	143	143	100%	143	100,0%
4	Phù Cát	677	41	677	74,48	100,0%	357,10	73,29	98,4%	9,20	99,8%	413	100,0%	90,0%	358,3	302,5	84,4%	74,10	99,5%	71	71	100%	71	100,0%
5	Tây Sơn	1.313	31	1.313	84,57	100,0%	418,34	83,97	99,3%	10,65	99,1%	989	100,0%	70,0%	408,7	325,9	79,8%	83,97	99,3%	75	75	100%	75	100,0%
6	An Nhơn	1.305	163	1.305	107,68	100,0%	579,20	104,48	97,0%	12,19	97,3%	772	100,0%	90,0%	547,2	425,7	77,8%	105,20	97,7%	111	111	100%	102	91,9%
7	Tuy Phước	1.060	59	1.060	79,36	100,0%	482,43	76,42	96,3%	9,65	95,2%	745	100,0%	95,0%	346,2	346,2	100,0%	78,26	98,6%	122	122	100%	119	97,5%
8	Quy Nhơn	180	41	180	61,20	100,0%	285,42	60,00	98,0%	6,65	90,5%	60	100,0%	50,0%	196,7	190,4	96,8%	60,00	98,0%	56	56	100%	44	78,6%
	Ban GPMB tỉnh													88,0%	311,7	119,0	38,2%							
<b>Tổng cộng</b>		<b>11.736</b>	<b>741</b>	<b>11.736</b>	<b>953,18</b>	<b>100%</b>	<b>4.546,57</b>	<b>934,30</b>	<b>98,0%</b>	<b>115,58</b>	<b>98,0%</b>	<b>6.807</b>	<b>99,6%</b>		<b>4.770,2</b>	<b>3.892,1</b>	<b>81,6%</b>	<b>936,80</b>	<b>98,3%</b>	<b>885</b>	<b>885</b>	<b>100%</b>	<b>861</b>	<b>97,3%</b>

**PHỤ LỤC 2**  
**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG GPMB VÀ TÁI ĐỊNH CƯ PHẦN BỔ SUNG**  
*(Kèm theo Văn bản số: 8290/UBND-KT ngày 06/11/2023 của UBND tỉnh)*

STT	Địa phương	Quy mô thực hiện bổ sung		Đã xác nhận nguồn gốc tuyến chính bị ảnh hưởng		Phê duyệt phương án bồi thường, GPMB phần bổ sung					Bàn giao mặt bằng phần bổ sung cho Chủ		Kinh phí đã chi trả phần bổ sung			Ghi chú
		Diện tích tuyến chính điều chỉnh, bổ sung thêm (ha)	Số hộ bị ảnh hưởng (hộ)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Tổng số đợt	Số hộ, tổ chức trên tuyến chính đã phê duyệt	Diện tích tuyến chính đã phê duyệt (ha)	Tỷ lệ mặt bằng tuyến chính (%)	Kinh phí đã phê duyệt (tỷ đồng)	Diện tích đã bàn giao (ha)	Tỷ lệ mặt bằng (%)	Đã chi trả (tỷ đồng)	Diện tích tuyến chính đã chi trả (ha)	Tỷ lệ diện tích tuyến chính đã chi trả (%)	
<b>I</b>	<b>QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN</b>	<b>0,00</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>		<b>0,00</b>	<b>0,00</b>		<b>0,00</b>	<b>0,00</b>		
1	Hoài Nhơn															
2	Ban GPMB tỉnh															
<b>II</b>	<b>HOÀI NHƠN-QUY NHƠN</b>	<b>27,35</b>	<b>942</b>	<b>919</b>		<b>12</b>	<b>563</b>	<b>13,85</b>	<b>50,7%</b>	<b>45,51</b>	<b>5,98</b>	<b>21,9%</b>	<b>14,20</b>	<b>5,98</b>	<b>21,9%</b>	
1	Hoài Nhơn	0														
2	Hoài Ân	13,08	351	351	100%	8	347	11,46	87,6%	35,50	5,98	45,7%	14,20	5,98	45,7%	
3	Phù Mỹ	6,49	373	350	94%	3	104	0,89	13,8%	6,61						
4	Phù Cát	2,40	218	218	100%	1	112	1,50	62,5%	3,40						
5	Tây Sơn	1,78														
6	An Nhơn	3,60														
7	Ban GPMB tỉnh															
<b>III</b>	<b>QUY NHƠN-CHÍ THẠNH</b>	<b>6,50</b>	<b>182</b>	<b>184</b>		<b>3</b>	<b>184</b>	<b>4,76</b>	<b>73,2%</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,0%</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,0%</b>	
1	An Nhơn	0,00														
2	Tuy Phước	1,60	182	166	91%	1	166									
3	Quy Nhơn	4,90		18		2	18	4,76	97,1%							
4	Ban GPMB tỉnh															
<b>Tổng cộng (I)+(II)+(III)</b>		<b>33,85</b>	<b>1.124</b>	<b>1.103</b>		<b>15</b>	<b>747</b>	<b>18,61</b>	<b>55,0%</b>	<b>45,51</b>	<b>5,98</b>	<b>17,7%</b>	<b>14,20</b>	<b>5,98</b>	<b>17,7%</b>	